

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thùy N, sinh năm 1990 (Có mặt).

Cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Phạm Vũ K, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2018 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bà Võ Thùy N trình bày:

Vào năm 2012, bà (Võ Thùy N) và ông Phạm Vũ K chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau chứng nhận vào ngày 01/11/2012. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi. Bà tự nhận thấy không có khả năng hòa giải, hàn gắn,

mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Vũ K. Về con chung có 03 người tên là Phạm Nhật G (giới tính nam) sinh ngày 10/8/2012 (đã chết), Phạm Minh T (giới tính nam) sinh ngày 26/3/2014 và Phạm Đình Tr (giới tính nam) sinh ngày 18/8/2015. Hiện hai người con chung đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/10/2018, bị đơn là ông Phạm Vũ K trình bày:

Ông (Phạm Vũ K) và bà Võ Thùy N xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau đúng như bà Võ Thùy N trình bày. Thời gian chung sống vợ chồng không được hòa thuận trong lối sống, cả hai không còn chung sống với nhau từ năm 2014. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Võ Thùy N. Con chung đúng là có 03 người như bà N đã trình bày, tuy nhiên một người con chung tên Phạm Nhật G (giới tính nam) sinh ngày 10/8/2012 đã chết. Đối với hai người con chung còn lại đang do bà N nuôi dưỡng. Ông đồng ý giao cả hai người con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Do điều kiện công việc nên ông yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện chính quyền địa phương ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau xác định: Trường hợp giữa bà Võ Thùy N và ông Phạm Vũ K chung sống với nhau tại ấp T, xã P. Sau đó bà N về địa phương bên bà N sinh sống, ông K thì sống tại ấp T, mâu thuẫn phát sinh giữa hai vợ chồng bà N và ông K không thông báo và cũng không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nên không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Võ Thùy N ly hôn với ông Phạm Vũ K. Về con chung đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thùy N và ông Phạm Vũ K về việc thỏa thuận giao con chung cho bà N nuôi, ông K không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị xử lý. Về án phí buộc bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Võ Thùy N yêu cầu ly hôn với ông Phạm Vũ K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Vũ K vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối ông Phạm Vũ K là có căn cứ.

[2]. Xét về hôn nhân: Vào năm 2012, bà Võ Thùy N và ông Phạm Vũ K chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân giữa bà N và ông K được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn, cả hai thống nhất xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Đồng thời cả hai xác định không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 cho đến nay mà không thể hòa giải, hàn gắn. Cả hai nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà Võ Thùy N yêu cầu được ly hôn, ông Phạm Vũ K đồng ý ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của cả hai người không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ cho bà Võ Thùy N ly hôn với ông Phạm Vũ K.

[3]. Về con chung: Cả hai thống nhất xác định có 03 người con chung tên là Phạm Nhật G (giới tính nam) sinh ngày 10/8/2012 (đã chết), Phạm Minh T (giới tính nam) sinh ngày 26/3/2014 và Phạm Đình Tr (giới tính nam) sinh ngày 18/8/2015. Cả hai thống nhất thỏa thuận giao hai người con chung là Phạm Minh T và Phạm Đình Tr cho bà N tiếp tục nuôi, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận này phù hợp với quy định của các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở để chấp nhận. Từ đó, ghi nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa bà N và ông K là có cơ sở. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông K thống nhất xác định không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Võ Thùy N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Võ Thùy N ly hôn với ông Phạm Vũ K.
2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Võ Thùy N với ông Phạm Vũ K, sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Giao hai người con chung tên là Phạm Minh T (giới tính nam) sinh ngày 26/3/2014 và Phạm Đình Tr (giới tính nam) sinh ngày 18/8/2015 cho bà Võ Thùy N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thùy N về việc không yêu cầu ông Phạm Vũ K phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Vũ K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thùy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Võ Thùy N đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007267 ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyên thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã K, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước

